

LONG BIEN PEOPLE'S COMMITTEE
DO THI VIET HUNG SECONDARY SCHOOL



WRITTEN TEST - GRADE 6
THE SECOND MID-TERM TEST
School year 2023- 2024

Time: 60 minutes

Full name: Class: 6A.....

A. LISTENING

Listen and choose the best option to complete the following sentences.

Question 1: Hai often goes _____ with his dad on Saturdays and Sundays.

- A. cycling B. swimming C. skiing D. fishing

Question 2: _____ is Hai's favourite sport.

- A. Chess B. Cycling C. Karate D. Volleyball

Question 3: Alice is interested in watching _____ on TV.

- A. cartoons B. sport C. game shows D. animal programmes

Question 4: Alice plays chess with _____ every Saturday.

- A. Hai B. her brother C. her computer D. her friend

B. PHONETICS

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from that of the rest in each of the following questions.

Question 5: A. landmark B. animated C. palace D. square

Question 6: A. anything B. there C. both D. through

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions

Question 7: A. programme B. career C. compete D. cartoon

Question 8: A. character B. comedy C. equipment D. educate

C. VOCABULARY AND GRAMMAR

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to complete each of the following questions.

Question 9: My brother loves watching _____. They have a lot of football matches or marathon competitions.

- A. game shows B. animated films C. comedies D. sports programmes

Question 10: I always wear _____ when I go swimming to protect my eyes.

- A. goggles B. sports shoes C. a helmet D. a racket

Question 11: My sister _____ karate with her friends at Superfit Club every weekend.

- A. makes B. plays C. goes D. does

Question 12: The Merlion is Singapore's most famous _____.

- A. landmark B. palace C. building D. tower

Question 13: Yesterday, the football match _____ exciting when the home team scored a winning goal in the last minute.

- A. becoming B. become C. became D. becomes

Question 14: I enjoy playing basketball, _____ I join my friends at the park every weekend for a game.

- A. so B. or C. but D. and

Question 15: Mai: “_____ did you invite to your birthday party last month?” - Hung: “I invited my closest friends, my cousins, and my neighbors.”

- A. Where B. When C. What D. Who

Question 16: I love to read _____ favorite book before bedtime every night.

- A. my B. mine C. me D. I

Question 17: Two years ago, there _____ a big festival in our town park with music, games, and delicious food for everyone to enjoy.

- A. were B. are C. was D. is

Question 18: - “_____ the door before leaving the room!”

- A. Close B. Closing C. To close D. Closed

Question 19: My cousin Tom is good _____ swimming. He often wins races at the local swimming pool.

- A. for B. by C. at D. with

Question 20: Phuong: “Yesterday, your brother won a gold medal in the 100 metres. Congratulations!”

- Vy: _____.

- A. I’m sorry to hear that. C. Not at all.
B. Thank you, Phuong. D. Better luck next time!

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 21: Paris is an exciting city with its beautiful landmarks like the Eiffel Tower and delicious food to try in luxurious restaurants.

- A. interesting B. boring C. crowded D. modern

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 22: Please turn off the lights because we want to watch the movie in the dark living room.

- A. turn up B. turn on C. turn down D. turn around

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Question 23: About 2018, when the Winter Olympics happened, and many athletes competed in skiing and skating events.

- A. about B. happened C. competed D. events

Question 24: The big green ball is me. I brought it from home to play with my friends.

- A. me B. I C. it D. my

D. READING

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word/ phrase that best fits each of the numbered blanks.

Watching television is an interesting and fun activity. The first television broadcast in Australia _____ (25) in 1956. Back then, the pictures (26) _____ TV were black and white only. There are several channels which show different TV programmes. TV guides tell us what programmes are showing on which _____ (27), and at what time on a particular day. You can learn a lot of watching TV, _____ (28) you should not watch too much, or you will hurt your eyes.

Question 25: A. is B. was C. were D. are

Question 26: A. on B. to C. in D. for

Question 27: A. audience B. character C. viewer D. channel

Question 28: A. or B. because C. but D. so

Read the passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer for each question.

Seoul is the capital and lies in the northern part of South Korea. It has a population of nearly 10 million people. Seoul is famous for modern buildings and high-tech subways. There are also many temples,

palaces and street markets. Popular tourist attractions in Seoul are Dongdaemun Design Plaza, Gyeongbokgung Palace, The War Memorial of Korea and Namsan Seoul Tower. Gangnam, Itaewon and Hongdae are popular neighbourhoods in Seoul. Here you can find busy downtown districts, exciting social life, crowded shopping centres and great restaurants. You can also try tasty Korean dishes like bibimbap, kimchi and BBQ grilled meat. Exploring this massive city can be an enjoyable experience for travellers.

Question 29: Seoul is famous for _____.

- A. high-tech buses
- B. convenience stores
- C. its population
- D. very tall modern buildings

Question 30: Gangnam is a popular _____ in Seoul.

- A. neighbourhood
- B. tower
- C. temple
- D. palace

Question 31: The underlined word “it” in the passage refers to _____.

- A. North Korea
- B. a population
- C. South Korea
- D. Seoul

Question 32: Which statement is NOT true about Seoul?

- A. Seoul has many temples, palaces and street markets.
- B. Travellers can try delicious Korean dishes in Seoul.
- C. Downtown districts in Seoul are very quiet and peaceful.
- D. There are nearly 10 million people living in Seoul.

E. WRITING:

Rearrange these words to make a meaningful sentence:

Question 33: practice/ do/ tennis/ How/ often/ you /playing/?

Question 34: movie/ not/ night/ We/ together/ watch/ last/ a/ did.

Question 35: city/ is/ an/ high/ New York/ many/ buildings/ exciting/ with/.

Question 36: famous/is/street food/its/Bangkok/for.

Rewrite the sentence without changing the meaning of the original sentence.

Question 37: They didn't go swimming yesterday because the weather was bad. (so)

=> The weather _____

Question 38: These pens are mine. (my)

=> These _____

Question 39: You shouldn't play outdoors without warm clothes.

=> Don't _____

Make a question for the underlined words.

Question 40: Duong watched a football match on TV with his brother last night.

?

ĐỀ BÀI

Mã đề 601

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (7 điểm)

Em hãy lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau và tô đáp án vào phiếu trả lời trắc nghiệm:

Câu 1. Trùng sót rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anopheles.
- B. Muỗi Mansonia.
- C. Muỗi Culex.
- D. Muỗi Aedes.

Câu 2. Virus sống ký sinh nội bào bắt buộc vì chúng

- A. có kích thước hiển vi.
- B. có cấu tạo tế bào nhân sơ.
- C. chưa có cấu tạo tế bào.
- D. có hình dạng không cố định.

Câu 3. Hình dạng nào đặc trưng ở virus?

- A. Dạng hình khói.
- B. Dạng hình vuông.
- C. Dạng hình chữ nhật.
- D. Dạng hình tròn.

Câu 4. Vật chất di truyền của một virus là

- A. ADN hoặc ARN.
- B. ARN và gai glycoprotein.
- C. ADN hoặc gai glycoprotein.
- D. ARN và ADN.

Câu 5. Virus nào dưới đây dạng hình khói?

- A. Virus đậu mùa.
- B. Virus Ebola.
- C. Virus HIV.
- D. Virus dại.

Câu 6. Bệnh do virus gây ra là

- A. HIV/AIDS.
- B. tay chân miệng.
- C. ngộ độc thực phẩm.
- D. kiết lỵ.

Câu 7. Để phòng ngừa lây nhiễm HIV, chúng ta *không* nên làm điều gì sau đây?

- 1. Thực hiện ghép tạng.
- 2. Dùng chung kim tiêm với người khác.
- 3. Quan hệ tình dục không an toàn.
- 4. Hiến máu nhân đạo.
- 5. Truyền máu.

Có bao nhiêu ý trả lời đúng?

- A. 5.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.



Câu 8. Biện pháp *không đúng* để hạn chế lây nhiễm Corona virus là:

- A. bịt mũi và miệng khi ho, hắt hơi bằng khăn giấy, áo, tay.
- B. động vật nên được nuôi chung trong nhà để hạn chế nhiễm bệnh cho động vật.
- C. đeo khẩu trang khi ở nơi công cộng.
- D. rửa tay với xà phòng hoặc các dung dịch rửa tay có cồn.

Câu 9. Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật

- A. có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi.
- B. có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.
- C. chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.
- D. có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

Câu 10. Vai trò *không đúng* của nguyên sinh vật trong tự nhiên là

- A. Cung cấp nguồn lương thực cho con người chế biến món ăn.
- B. Tảo không có khả năng quang hợp cung cấp oxygen cho động vật dưới nước.
- C. Nguyên sinh vật còn là nguồn thức ăn cho các động vật lớn hơn.
- D. Một số nguyên sinh vật sống cộng sinh tạo mối quan hệ cần thiết cho sự sống của các loài khác.

Câu 11. Các động vật nguyên sinh sống ký sinh là

- A. trùng roi, trùng biển hình.
- B. trùng kiết lị, trùng sốt rét.
- C. trùng biển hình, trùng giày.
- D. trùng sốt rét, trùng biển hình.

Câu 12. Sinh vật nào sau đây *không* thuộc nhóm nguyên sinh vật?

- A. Trùng roi.
- B. Trùng kiết lị.
- C. Thực khuẩn thể.
- D. Tảo lục đơn bào.

Câu 13. Bào xá của trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
- B. Đường hô hấp.
- C. Đường sinh dục.
- D. Đường bài tiết.

Câu 14. Biện pháp giúp chúng ta phòng tránh được bệnh kiết lị là

- A. mặc màn đi ngủ.
- B. diệt bọ gậy.
- C. đậy kín các dụng cụ chứa nước.
- D. ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 15. Dưới đây là các giai đoạn ký sinh của trùng sốt rét trong hồng cầu người:

- (1): Trùng sốt rét sử dụng hết chất nguyên sinh trong hồng cầu, sinh sản vô tính cho nhiều cá thể mới.
- (2): Trùng sốt rét chui vào ký sinh ở hồng cầu.
- (3) : Trùng sốt rét phá vỡ hồng cầu để chui ra ngoài tiếp tục vòng đời ký sinh mới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lí.

- A. (2) → (1) → (3).
- B. (2) → (3) → (1).
- C. (1) → (2) → (3).
- D. (3) → (2) → (1).

Câu 16. Biểu hiện đặc trưng của bệnh kiết lị là

- A. đau bụng đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy.
- B. rét run sút, đổ mồ hôi.
- C. nôn ói.
- D. mệt mỏi, đau đầu.

Câu 17. Loại nấm nào sau đây được dùng làm thuốc?

- A. Nấm đùi gà.
- B. Nấm kim châm.
- C. Đông trùng hạ thảo.
- D. Nấm thông.

Câu 18. Trong số các tác hại sau, tác hại nào *không phải* do nấm gây ra?

- A. Gây bệnh nấm da ở động vật.
- B. Gây bệnh viêm gan B ở người.
- C. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.
- D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

Câu 19. Chọn phát biểu *không* đúng.

- A. Nấm thường sống ở nơi ẩm ướt.
- B. Nấm có cấu tạo cơ thể giống vi khuẩn.
- C. Nhiều loài nấm được sử dụng làm thức ăn.
- D. Một số loại nấm là cơ thể đơn bào.

Câu 20. Nấm sinh sản chủ yếu theo hình thức là

- A. sinh sản bằng hạt.
- B. sinh sản bằng cách nảy chồi.
- C. sinh sản bằng cách phân đôi.
- D. sinh sản bằng bào tử.

Câu 21. Đặc điểm đúng khi nói về nấm đầm là

- A. sinh sản bằng bào tử túi.
- B. sinh trưởng nhanh gây ôi thiu thức ăn.
- C. điển hình nấm bụng dê, nấm men rượu.
- D. nấm thể quả dạng hình mũ.

Câu 22. Vai trò của kitin đối với nấm là

- A. làm lớp bao bên ngoài.
- B. không cho côn trùng phá nấm.
- C. giữ ẩm cây nấm.
- D. làm cây nấm có thành tế bào cứng không thấm nước.

Câu 23. Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

- A. Khởi sinh
- B. Nguyên sinh.
- C. Nấm
- D. Thực vật

Câu 24. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂.
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂.
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂.
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO₂.

Câu 25. Hình thức dinh dưỡng của động vật chủ yếu là

- A. dị dưỡng.
- B. tự dưỡng.
- C. dị dưỡng và tự dưỡng.
- D. dị dưỡng hoặc tự dưỡng.

Câu 26. Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.
- B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.
- D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Câu 27. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

- A. Hình thái đa dạng.
- B. Có xương sống.
- C. Kích thước cơ thể lớn.
- D. Sống lâu.

Câu 28. Các loài động vật thuộc ngành động vật có xương sống là

- A. diều hâu, chó, cá sấu, éch.
- B. chim bồ câu, sò, tôm đồng, éch.
- C. mèo, gà, trai sông, lợn.
- D. bò, mực, con voi, cá.

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 29 (2 điểm). Nêu đặc điểm chung của thực vật và hoàn thành bảng dưới đây:

Nhóm thực vật	Môi trường sống	Đặc điểm cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá)	Đặc điểm cơ quan sinh sản	Đại diện
Rêu				
Hạt trần				

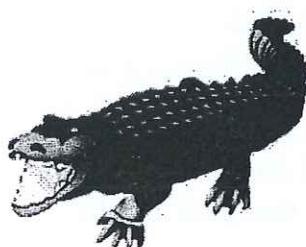
Câu 30 (1 điểm): Cho các loài động vật có xương sống dưới đây:



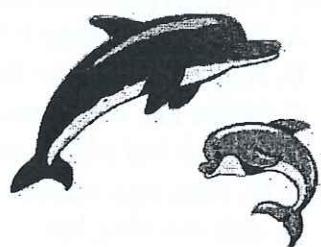
Ếch đồng



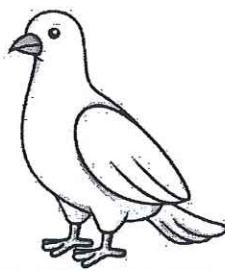
Hổ



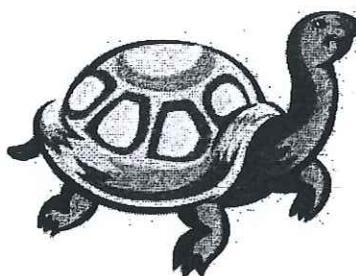
Cá sấu



Cá heo



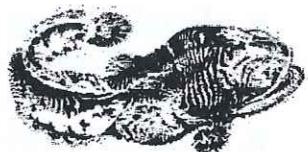
Chim bồ câu



Rùa



Dơi



Cá cóc Tam đảo

Hãy sắp xếp động vật trên vào các lớp sao cho phù hợp.

Chúc các con làm bài tốt!

--- HẾT ---

Mã đề: 602

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Tô vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng nhất!

Câu 1: Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác béo ra, tháp xuống?

- A. Màu tối, sẫm
- B. Kẻ dọc, hoa nhỏ
- C. Vải cứng, dày dặn hoặc mềm vừa phải
- D. Vừa sát cơ thể, có đường nét chính dọc thân áo

Câu 2: Nhược điểm của phương pháp phơi khô quần áo là

- A. Phù thuộc vào thời tiết
- B. Tiêu hao điện năng
- C. Quần áo lâu khô
- D. Đáp án A và C

Câu 3: Để lựa chọn trang phục, căn cứ nào sau đây là không nên?

- A. Chất liệu, màu sắc của trang phục
- B. Độ dày của trang phục
- C. Kiểu dáng của trang phục
- D. Đường nét, họa tiết của trang phục

Câu 4: Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác gầy đi, cao lên?

- A. Vải mềm mỏng, mịn
- B. Kiểu thụng, có đường nét chính ngang thân áo, tay bồng có bèo
- C. Màu sáng
- D. Kẻ ngang, kẻ ô vuông, hoa to

Câu 5: Để có sự đồng bộ đẹp trong trang phục

- A. Chỉ cần có áo đẹp
- B. Có quần áo đẹp
- C. Các phụ kiện đi kèm phù hợp với quần áo
- D. Có giày dép đẹp

Câu 6: Để tạo cảm giác béo ra, tháp xuống nên

- A. Chọn áo có cầu vai, tay bồng, kiểu thụng
- B. May sát cơ thể, tay chéo
- C. Tạo đường may dọc theo thân áo, tay chéo
- D. May sát cơ thể, tay bồng

Câu 7: Màu vải nào đây dùng may quần áo để hợp với tất cả các màu của áo?

- A. Màu vàng, màu trắng
- B. Màu đen, màu trắng
- C. Màu đen, màu vàng
- D. Màu đỏ, màu xanh

Câu 8: Khi đi học thể dục em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót
- B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
- C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê
- D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây mô tả phong cách lăng mạn?

- A. Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự
- B. Trang phục có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng
- C. Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại qua các đường cong, đường uốn lượn.
- D. Trang phục có thiết kế đơn giản, ứng dụng cho nhiều đối tượng, lứa tuổi khác nhau

Câu 10: Phong cách nào dưới đây phù hợp với nhiều người, thường được sử dụng khi đi học, đi làm, tham gia các sự kiện có tính chất trang trọng?

- A. Phong cách thể thao
- B. Phong cách lăng mạn
- C. Phong cách cổ điển
- D. Phong cách dân gian

Câu 11: Điền từ vào chỗ “...”

“Phong cách thể thao là cách mặc trang phục có thiết kế (1)..., đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn; thoải mái khi (2)..."

- A. (1) phức tạp; (2) vận động
- B. (1) đơn giản; (2) vận động
- C. (1) cầu kỳ; (2) chạy nhảy
- D. (1) đơn giản; (2) chạy nhảy

Câu 12: “Khai thác yếu tố văn hóa, truyền thống trong dân gian, dân tộc” là đặc điểm của phong cách thời trang nào?

- A. Thể thao
- B. Dân gian
- C. Cổ điển
- D. Lãng mạn

Câu 13: “Cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mĩ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng độc đáo của mỗi người” nói về

- A. Kiểu dáng thời trang
- B. Tin tức thời trang
- C. Phong cách thời trang
- D. Phụ kiện thời trang

Câu 14: Quần áo mang phong cách thể thao thường kết hợp với

- A. Giày búp bê
- B. Giày cao gót
- C. Giày thể thao
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 15: Sài cánh là thông số kỹ thuật của

- A. Máy sấy tóc
- B. Quạt điện
- C. Điều hòa không khí
- D. Máy hút bụi

Câu 16: Nội dung nào sau không đúng về phong cách thể thao?

- A. Thiết kế đơn giản, tạo sự thoải mái khi vận động
- B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn
- C. Chỉ sử dụng cho nam giới
- D. Có thể ứng dụng cho nhiều lứa tuổi khác nhau

Câu 17: Màu sắc trong trang phục mang phong cách cổ điển thường là

- A. Những màu rực rỡ, tương phản mạnh
- B. Các màu nhẹ nhàng, tươi trẻ
- C. Các màu mạnh, tươi sáng
- D. Những màu trầm, trung tính

Câu 18: Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện và các đồ dùng điện trong gia đình là công việc của

- A. Nghề điện dân dụng
- B. Thợ xây
- C. Kỹ sư xây dựng
- D. Kiến trúc sư

Câu 19: Thông số kỹ thuật nào dưới đây của máy giặt?

- A. 220 V - 75 W
- B. 220 V - 2 lít
- C. 220 V - 9 000 BTU/h
- D. 220V - 8kg

Câu 20: Khi nói đến an toàn sử dụng đồ điện trong gia đình, ta cần đảm bảo an toàn đối với đối tượng nào?

- A. An toàn đối với người sử dụng
- B. An toàn đối với đồ dùng điện
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng
- D. Cả hai đáp án trên đều sai

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Lựa chọn trang phục có thể dựa trên những tiêu chí nào?

Câu 2 (2,0 điểm): Em hãy cho biết đồ dùng điện mang lại tiện ích gì cho con người?

Câu 3 (1,0 điểm): Trình bày một số lưu ý khi sử dụng nồi cơm điện.

-Chúc các em làm bài tốt-

Mã đề 001

I - TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Em hãy chọn phương án đúng nhất trong mỗi câu sau:

Câu 1: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu để nếu quên còn hỏi bạn.
- B. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.
- C. Thay đổi mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết.
- D. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ.

Câu 2: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

- A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì.
- B. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì.
- C. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng.
- D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn.

Câu 3: Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

- A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay.
- B. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.
- C. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn.
- D. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thi kết bạn, không phải thì thôi.

Câu 4: Em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam.
- B. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng.
- C. Khi nói chuyện với bất kì ai.
- D. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân,...

Câu 5: Lời khuyên nào sai khi em muốn bảo vệ máy tính và thông tin trong máy tính của mình?

- A. Luôn nhớ đăng xuất khi sử dụng xong máy tính, thư điện tử.
- B. Đừng bao giờ mở thư điện tử và mở tệp đính kèm thư từ những người không quen biết.
- C. Không cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất.
- D. Nên cài đặt phần mềm bảo vệ máy tính khỏi virus và thường xuyên cập nhật phần mềm bảo vệ.

Câu 6: Em thường xuyên nhận được các tin nhắn trên mạng có nội dung như: "mày là một đứa ngu ngốc, béo ú", "mày là một đứa xấu xa, không đáng làm bạn",... từ một người lớn mà em quen. Em nên làm gì?

- A. Nói chuyện với thầy cô giáo, bố mẹ về sự việc để xin ý kiến giải quyết.
- B. Nhắn tin lại cho người đó các nội dung tương tự.

C. Gặp thẳng người đó hỏi tại sao lại làm thế và yêu cầu dừng ngay.

D. Bỏ qua, chắc họ chỉ trêu thôi.

Câu 7: Em truy cập mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

A. Mở video đó và xem.

B. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó.

C. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì.

D. Chia sẻ cho bạn bè để doạ các bạn.

Câu 8: Cấu trúc một sơ đồ tư duy gồm?

A. Tên của các chủ đề phụ (triển khai từ ý của chủ đề chính).

B. Tên của chủ đề trung tâm (chủ đề chính).

C. Các ý chi tiết của chủ đề nhánh.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 9: Phần mềm nào giúp chúng ta tạo được sơ đồ tư duy một cách thuận tiện?

A. MindManager.

B. MindJet.

C. Cả 2 đáp án trên đều đúng.

D. Cả 2 đáp án trên đều sai.

Câu 10: Cách tạo sơ đồ tư duy?

A. Vẽ thủ công.

B. Sử dụng phần mềm máy tính.

C. Cả A, B đều đúng.

D. Cả A, B đều sai

Câu 11: Tại sao nên sử dụng màu sắc khi tạo sơ đồ tư duy?

A. Không có tác dụng gì.

B. Đẹp.

C. Không có đáp án nào chính xác.

D. Kích thích não bộ.

Câu 12: Khi đã hoàn thành sơ đồ tư duy bằng phần mềm MindMaple Lite thì ta cần lưu lại bằng cách nào?

A. File/Save.

B. File/Close.

C. File/ Open.

D. Tất cả đều sai.

Câu 13: Tình huống khác nhau thể hiện rằng sử dụng sơ đồ tư duy có thể mang lại hiệu quả trong công việc là:

A. Ôn tập một bài học, một chủ đề.

B. Xây dựng một kế hoạch hoạt động.

C. Xây dựng dàn ý của một bài tập làm văn.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 14: Sơ đồ tư duy là gì?

A. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.

B. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.

C. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng.

D. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng.

Câu 15: Em không đồng ý với ý kiến nào sau đây?

A. Có thể dùng sơ đồ tư duy để ghi chép những ý chính của một bài học.

B. Trong sơ đồ tư duy chỉ có hai loại chủ đề: chủ đề trung tâm và chủ đề chính xung quanh chủ đề trung tâm.

C. Các nhanh nối cho biết mỗi chủ đề được triển khai thành những chi tiết nào.

D. Có thể dùng sơ đồ tư duy để trình chiếu trong một cuộc họp.

Câu 16: Một văn bản gồm có bao nhiêu lè?

A. 3 lề

B. 4 lề

C. 5 lề

D. 2 lề

Câu 17: Một số thuộc tính định dạng kí tự cơ bản gồm có:

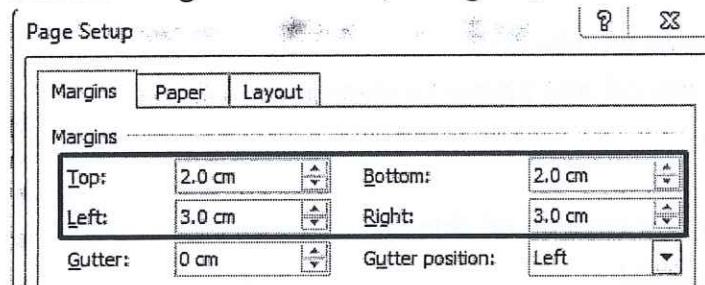
A. Phông (Font) chữ

C. Cỡ chữ và màu sắc

B. Kiểu chữ (Type)

D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 18: Ý nghĩa của các nội dung được khoanh đỏ trong hình dưới đây là:



- A. Cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm
- B. Cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm
- C. Cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm
- D. Cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm

Câu 19: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là:

- A. Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.
- B. Chỉ sử dụng chuột.
- C. Sử dụng thanh cuộn ngang, dọc.
- D. Có thể sử dụng chuột, phím Tab hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 20: Mục đích của định dạng văn bản là:

- A. Văn bản dễ đọc hơn.
- B. Trang văn bản có bố cục đẹp.
- C. Người đọc dễ ghi nhớ các nội dung cần thiết.
- D. Tất cả ý trên.

II. Tự luận (5 điểm):

Câu 1. (2 điểm) Em hãy nêu các tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet.

Câu 2. (2 điểm) Em hãy cho biết có mấy loại định dạng văn bản, đó là những loại nào?

Câu 3. (1 điểm) Em hãy giới thiệu về bản thân bằng sơ đồ tư duy (Họ tên, ngày sinh, địa chỉ, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu.....)

-Chúc các em làm bài tốt!-

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG
Năm học 2023 – 2024

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TOÁN 6 – Đề 1
Thời gian: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Viết vào bài chữ cái đứng trước câu trả lời Đúng

Bảng điểm kiểm tra giữa học kỳ II môn Toán (theo thang điểm 10) của các thành viên trong tổ 1 của lớp 6A như sau:

10	3	9	0	8	8	9
10	7	8	7	5	7	6

Dựa vào bảng trả lời từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Tiêu chí thống kê ở đây là:

- A. Điểm kiểm tra giữa kì II môn Toán của các thành viên trong tổ 1 lớp 6A.
- B. Các thành viên trong tổ 1 lớp 6A.
- C. Số học sinh tổ 1 lớp 6A.
- D. Số học sinh lớp 6A.

Câu 2. Tổ 1 lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

- A. 8
- B. 14
- C. 10
- D. 16

Câu 3. Có bao nhiêu bạn đạt điểm trên trung bình (từ 5 điểm trở lên)?

- A. 9
- B. 10
- C. 11
- D. 12

Câu 4. Có bao nhiêu bạn đạt điểm khá-giỏi (từ 7 điểm trở lên) ?

- A. 10
- B. 9
- C. 8
- D. 7

Câu 5. Có bao nhiêu bạn đạt điểm dưới trung bình (dưới 5 điểm)?

- A. 0
- B. 1
- C. 2
- D. 3

Câu 6. Một hộp có 1 bút xanh, 1 bút đỏ, 1 bút tím. Các bút có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên 1 bút trong hộp. Những kết quả có thể xảy ra đối với màu của bút được lấy ra là:

- A. Xanh, đỏ, vàng.
- B. Xanh, đỏ.
- C. Đỏ, tím.
- D. Xanh, đỏ, tím.

Câu 7. Một hộp có 1 bút xanh, 1 bút đỏ, 1 bút tím, 1 bút đen. Các bút có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên một bút trong hộp. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của bút được lấy ra là:

- A. {Xanh; đỏ; tím; đen}.
- B. { Xanh; đỏ; đen}.
- C. {Vàng; cam; đen; tím}.
- D. Xanh; đỏ; đen; tím.

Câu 8. Trong hộp có một số bút xanh và một số bút đỏ, lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu rồi trả lại, lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả theo bảng sau:

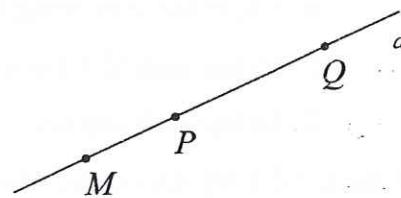
Loại bút	Bút xanh	Bút đỏ
Số lần	43	7

Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện lấy được bút xanh là:

- A. 0
- B. 1
- C. $\frac{7}{50}$
- D. $\frac{43}{50}$

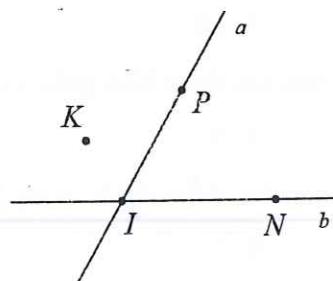
Câu 9. Cho hình vẽ. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định sau:

- A. Điểm M nằm giữa hai điểm P và Q.
- B. Hai điểm M và P nằm cùng phía đối với .
- C. Hai điểm M và Q nằm cùng phía đối với P.
- D. Hai điểm M và P nằm khác phía đối với Q.



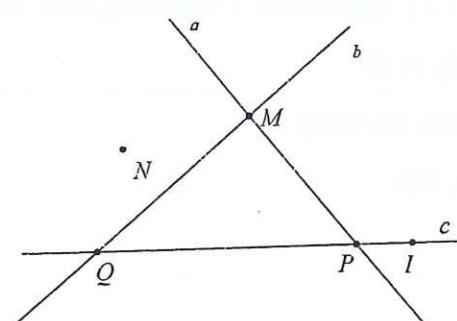
Câu 10. Cho hình vẽ sau. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $I \in a, I \notin b$
- B. $P \in a, N \in b$
- C. $K \notin a, N \notin b$
- D. $I \in b, P \in b$



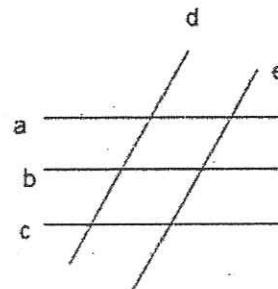
Câu 11. Cho hình vẽ sau. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?

- A. Hai đường thẳng a, b cắt nhau tại M.
- B. Hai đường thẳng a, b cắt nhau tại P.
- C. Hai đường thẳng b, c cắt nhau tại P.
- D. Hai đường thẳng a, c cắt nhau tại Q.



Câu 12 Cho hình vẽ sau. Có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng b?

- A. Có 1 đường thẳng.
- B. Có 2 đường thẳng.
- C. Có 3 đường thẳng.
- D. Không có đường thẳng nào.

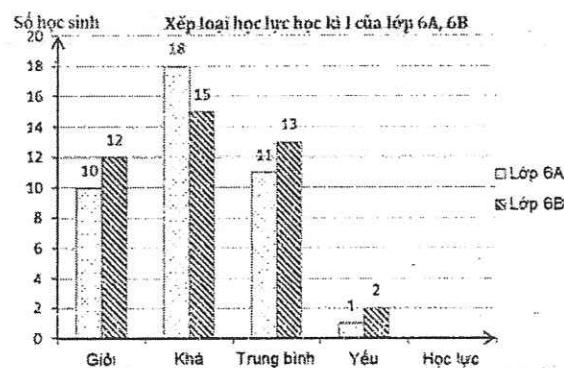


II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm)

Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn xếp loại học lực HKI của hai lớp 6A và 6B như sau

- So sánh số học sinh khá của 2 lớp 6A và 6B?
- Tổng số học sinh giỏi của 2 lớp là bao nhiêu?



Bài 2. (2,0 điểm) Khi tung 2 đồng xu cân đối đồng chất 50 lần ta được kết quả sau:

Khả năng	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	15	20	15

Hãy tính xác suất thực nghiệm để xuất hiện

- Một đồng sấp, một đồng ngửa.
- Hai đồng ngửa.

Bài 3. (2,0 điểm) Cho đoạn thẳng AB = 8cm. Lấy điểm M thuộc đoạn thẳng AB sao cho AM = 2cm.

- Tính độ dài đoạn thẳng MB.
- Gọi N là trung điểm của đoạn thẳng MB. Tính độ dài đoạn thẳng MN, NB.

Bài 4. (1,0 điểm)

- Tìm tất cả các số nguyên x sao cho phân số $\frac{x+5}{x+3}$ có giá trị nguyên.
- Tìm $x, y \in \mathbb{Z}$ thỏa mãn $xy + 4x - 3y = 7$.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

Thời gian làm bài: 60 phút
(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ 101

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm

Phân môn Lịch sử

Câu 1. Ở Việt Nam thời kì bắc thuộc, thành phần nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt?

- A. Hào trưởng người Việt B. Địa chủ người Hán
C. Nông dân lệ thuộc D. Nông dân công xã

Câu 2. Đâu không phải chính sách bóc lột về kinh tế các triều đại phong kiến phương Bắc áp dụng ở nước ta trong thời Bắc thuộc?

- A. Sử dụng chế độ tô thuế B. Bắt cống nạp sản vật
C. Bắt nhổ lúa trồng đay D. Nắm độc quyền về muối và sắt

Câu 3. Năm 208 TCN, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương và lập ra nhà nước:

- A. Âu Lạc B. Văn Lang C. Chăm-pa D. Phù Nam

Câu 4. Tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc được xây dựng trên cơ sở nào?

- A. Thị tộc bộ lạc của người Lạc Việt B. Nhà nước thời Tân
C. Thị tộc bộ lạc của người Tây Âu D. Nhà nước thời Văn Lang

Câu 5. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Làm mộc B. Đúc đồng C. Làm thủy tinh D. Làm gốm

Câu 6. Năm 248, Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa ở đâu?

- A. Hoan Châu (thuộc Nghệ An – Hà Tĩnh hiện nay)
B. Đàm Dạ Trạch (Hung Yên)
C. Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội)
D. Núi Nưa (Triệu Sơn – Thanh Hóa)

Câu 7. Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở đâu?

- A. Cổ Loa B. Mê Linh C. Luy Lâu D. Hát Môn

Câu 8. Mâu thuẫn bao trùm xã hội nước ta thời kì Bắc thuộc là mâu thuẫn giữa

- A. Nhân dân ta với chính quyền phong Bắc. B. Nô tì với địa chủ, hào trưởng.
C. Nô tì với quan lại đô hộ phong Bắc. D. Nông dân lệ thuộc với hào trưởng.

Câu 9. Hoạt động kinh tế chính của người Việt dưới thời Bắc thuộc là:

- A. Sản xuất thủ công nghiệp B. Nông nghiệp trồng lúa nước.
C. Trao đổi, buôn bán qua đường bộ D. Trao đổi, buôn bán qua đường biển.

Câu 10. Anh hùng dân tộc nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau:

“Vua nào xưng “đế” đầu tiên
Vạn Xuân tên nước vững an nhà nhà?”

- A. Mai Thúc Loan B. Lý Nam Đế C. Triệu Quang Phục D. Phùng Hưng

Phân môn Địa lí

Câu 11. Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu ở:

- A. Biển và đại dương
B. Các dòng sông lớn
C. Ao, hồ, vũng vịnh
D. Băng hà, khí quyển

Câu 12. Băng hà phân bố chủ yếu ở:

Câu 13. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì?

- A. Sinh hoạt và nước tưới
B. Sinh hoạt và chữa bệnh
C. Nước tưới và chữa bệnh
D. Điều hòa dòng chảy sông

Câu 14. Trên Trái Đất nước ngọt chiếm khoảng bao nhiêu %?

- A. 30,1% B. 2,5%
C. 97,5% D. 68,7%

Câu 15. Trên Trái Đất nước ngầm chiếm khoảng bao nhiêu %?

- A. 68,7% B. 97,5%
C. 30,1% D. 2,5%

Câu 16. Phu lưu là gì?

- A. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính
 - B. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông
 - C. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông
 - D. Các con sông đổ nước vào con sông chính

Câu 17. Hồ nào sau đây ở nước ta có nguồn gốc hình thành từ một khúc uốn của sông?

Câu 18. Nước ngọt trên Trái Đất không bao gồm:

Câu 19. Nước từ đại dương bốc hơi được gió đưa vào lục địa gây mưa rơi xuống thành các dạng nước rồi đổ ra đại dương, hiện tượng đó là:

- A. Vòng tuần hoàn của sinh vật
C. Vòng tuần hoàn nhỏ của nước

B. Vòng tuần hoàn lớn của nước
D. Vòng tuần hoàn địa chất

Câu 20. Hồ thủy điện Hòa Bình nằm trên sông nào?

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

Phân môn Lịch sử

Câu 1 (1 điểm)

Tù đoán thơ sau, hãy nêu nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin nổi lai nghiệp xưa họ Hùng

Ba kẽo oan ức lòng chồng

Bón xin yển ven sở công lênh này.

Câu 2 (1,5 điểm)

- a. Em có nhận xét gì về những chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với nước ta thời kì Bắc thuộc?

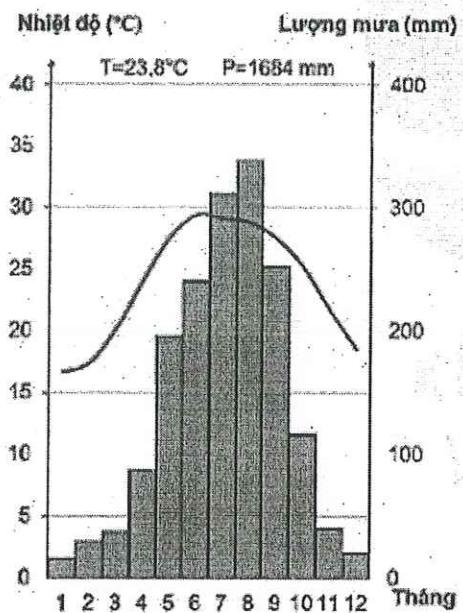
- b. Chính quyền phong kiến phuong Bắc thực hiện những chính sách đó nhằm mục đích gì?
c. Ảnh hưởng của những chính sách đó đối với nước ta như thế nào?

Phân môn Địa lí

Câu 3 (1 điểm). Trình bày khái quát về phạm vi, đặc điểm của đới lạnh?

Câu 4 (0.5 điểm). Em hãy nêu một số hoạt động mà bản thân và gia đình có thể làm để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu?

Câu 5 (1 điểm). Dựa vào biểu đồ nhiệt độ lượng mưa tại trạm Láng (Hà Nội)



Hình 1. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa tại trạm Láng (Hà Nội)

Hãy hoàn thành các thông tin trong bảng sau (làm ra phiếu trả lời)

Nhiệt độ trung bình:	1..... ⁰ C
Nhiệt độ cao nhất:	2..... ⁰ C
Nhiệt độ thấp nhất:	3..... ⁰ C
Biên độ nhiệt:	4..... ⁰ C
Lượng mưa trung bình năm:	5.....mm
Tháng có mưa nhiều nhất:	6. Tháng:.....
Tháng có mưa ít nhất:	7. Tháng:.....
Thuộc đới khí hậu:	8.....

*****Chúc các con thi tốt*****

Họ và tên:

Mã đề 601

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Hãy chọn và tô vào chữ cái đúng trước đáp án đúng trong phiếu làm bài.

Câu 1. Địa danh nào sau đây không phải là tên một làng nghề truyền thống ở Việt Nam?

- A. Vạn Phúc. B. Sen. C. Thanh Hà. D. Đông Hồ.

Câu 2. Những giá trị to lớn mà các làng nghề truyền thống đem lại cho chúng ta là gì?

- A. Phát huy các giá trị văn hóa. B. Tạo việc làm tăng thu nhập.
C. Tất cả các phương án trên. D. Phát triển du lịch và xã hội.

Câu 3. Có ý kiến cho rằng “Không chỉ các nghề truyền thống mà những nghề nhân cũng góp phần phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.”. Em có đồng tình với ý kiến trên không?

- A. Đồng tình vì nghề truyền thống có giá trị.
B. Đồng tình vì nghệ nhân là những người lưu giữ những tinh hoa văn hóa dân tộc trong các sản phẩm làng nghề, luôn không ngừng sáng tạo để có thêm nhiều sản phẩm mới, vừa phát huy được truyền thống văn hóa dân tộc vừa thể hiện sức sáng tạo của họ.
C. Ý kiến trên hoàn toàn sai.
D. Không đồng tình vì nghệ nhân chỉ là những người dựa theo một khuôn mẫu có sẵn để tạo ra các sản phẩm làng nghề.

Câu 4. Nghề làm bún ở Phú Đô có lịch sử bao nhiêu năm?

- A. Khoảng hơn 400 năm. B. Khoảng hơn 100 năm.
C. Khoảng 50 năm. D. 1000 năm.

Câu 5. Nhiên liệu sấy tốt nhất cho trà sen là gì?

- A. Than hoa. B. Máy sấy.
C. Nồi chiên không dầu. D. Bếp củi.

Câu 6. Nghề kim hoàn nổi tiếng ở đâu của Hà Nội?

- A. Ở phường Định Công, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
B. Ở phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
C. Ở phường Định Công, quận Hà Đông, Hà Nội.
D. Ở phường Định Công, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Câu 7. Nghề truyền thống là gì?

- A. Là nghề tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, không được lưu truyền.
B. Là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.
C. Là những nghề lạc hậu.

D. Là nghề đã vừa mới được hình thành, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt.

Câu 8. Đâu là món ăn truyền thống lâu đời, mang hương vị riêng của Hà Nội?

A. Bánh đa của Hà Nội.

B. Xôi khúc Hà Nội.

C. Bún ốc Hà Nội.

D. Phở Hà Nội.

Câu 9. Phiên chợ nón làng Chuông được họp bao nhiêu lần mỗi tháng?

A. 6 lần.

B. 4 lần.

C. 1 lần.

D. 2 lần.

Câu 10. Ông tổ nghề múa rối nước là ai?

A. Nghệ nhân Đào Văn Soạn.

B. ông Lý Khang

C. Ông Lê Công Hành.

D. Ông Nguyễn Đăng Vinh làm chức Nội giám thời nhà Lê.

Câu 11. Môn nghệ thuật dân gian rối nước đã có lịch sử bao nhiêu năm?

A. Hơn 400 năm.

B. Gần 300 năm.

C. Hơn 300 năm.

D. Hơn 100 năm.

Câu 12. Trong dãy sau đây, đâu là dãy gồm tên các làng nghề chuyên về gốm sứ ở Việt Nam?

A. Chu Đậu, Bát Tràng, Phù Lãng.

B. Làng Chuông, Phú Gia, Thời Tân.

C. Đông Hồ, làng Sình, Hàng Trống.

D. Kim Long, Xuân Đỉnh, làng Vị.

Câu 13. Nguyên liệu chính làm nên món Giò chả Ước Lẽ là gì?

A. Thịt bò.

B. Bột mì.

C. Thịt gà.

D. Thịt nạc heo.

Câu 14. Tên các nghề truyền thống nổi tiếng ở Hà Nội?

A. Nghề gốm Bát Tràng, Nghề làm lụa Vạn Phúc, Nghề mây tre đan Phú Vinh, Nghề làm chuồn chuồn tre Thạch Xá.

B. Nghề làm nón Chuông – Chương Mỹ, Nghề múa rối nước Đào Thục, Nghề làm nhạc cụ dân tộc Đào Xá, Nghề thêu ren Quất Động.

C. Nghề trồng hoa Tây Tựu, Nghề đúc đồng Ngũ Xá, Nghề làm quạt Chàng Sơn, Nghề kim hoàn Định Công.

D. Tất cả A,B,C đều đúng.

Câu 15. Nghề làm mây tre đan có nguồn gốc từ đâu?

A. Ở làng Phú Vinh, Gò Đậu, xã Phú Nghĩa, Phúc Thọ, Hà Nội.

B. Ở làng Phú Vinh, Gò Đậu, xã Phú Nghĩa, Ba Vì, Hà Nội.

C. Ở làng Phú Vinh, Gò Đậu, xã Phú Nghĩa, Đan Phượng, Hà Nội.

D. Ở làng Phú Vinh, Gò Đậu, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

Câu 16. Cốm Hà Nội nổi tiếng ở làng nào?

A. Làng Nhị Khê.

B. Làng Vòng.

C. Làng Giáp Nhị.

D. Làng Bát Tràng.

Câu 17. Ý nào sau đây nêu đúng một số sản phẩm tiêu biểu của nghề truyền thống ở Hà Nội?

A. Quần áo, túi xách, vải kiện bằng tơ tằm như vân, sa, quê, lụa sa tanh hoa.

B. Múa rối nước, chuồn chuồn tre, những bức tranh đan bằng mây.

C. Nón, quạt nan, quạt giấy, chén bát, bình vại, lọ.

D. Tất cả A, B và C đều đúng.

Câu 18. Gà Mía có nguồn gốc ở đâu?

- A. Xã Tân Uớc, huyện Thanh Oai, Hà Nội.
- B. Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- C. Xã Phùng Hưng, huyện Tùng Thiện, tỉnh Hà Tây.
- D. Xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Câu 19. Nguyên liệu cơ bản để làm một chiếc quạt giấy hay quạt the là gì?

- A. Giấy màu, chỉ, hồ nếp.
- B. Tre, giấy, vải và hồ nếp.
- C. Mùa nước, giấy, băng dính, que gỗ.
- D. Ruy băng, giấy, vải và băng dính.

Câu 20. Nghề trồng hoa Tây Tựu nổi tiếng ở đâu?

- A. Làng hoa Tây Tựu thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- B. Làng hoa Tây Tựu thuộc quận Hà Đông, Hà Nội.
- C. Làng hoa Tây Tựu thuộc quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- D. Làng hoa Tây Tựu thuộc quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Sản vật là gì? Kể tên ít nhất 5 sản vật Hà Nội mà em biết?

Câu 2 (3 điểm): Nêu giá trị của các nghề truyền thống ở Hà Nội?

----- *Chúc các con thi tốt* -----

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG
Năm học 2023 – 2024**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
Thời gian làm bài: 45 phút**

Họ và tên:

Mã đề 603

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Hãy chọn và tô vào chữ cái đứng trước đáp án đúng trong phiếu làm bài

Câu 1. Xét về nguồn gốc phát sinh thì tình huống nguy hiểm được chia thành hai loại đó là tình huống nguy hiểm từ đâu?

- A. Từ môi trường và mạng xã hội.
- B. Từ tự nhiên và con người.
- C. Từ nhân tạo và đột biến.
- D. Từ kinh tế và xã hội.

Câu 2. Câu nói: “**Cơm thừa gạo thiếu**” nói đến việc thực hiện chưa tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

- A. Trung thực, thẳng thắn.
- B. Tiết kiệm.
- C. Lãng phí, thừa thãi.
- D. Cần cù, siêng năng.

Câu 3. Khi có việc liên quan tới an ninh, trật tự, chúng ta cần gọi cho số điện thoại khẩn cấp nào?

- A. 111.
- B. 113.
- C. 114.
- D. 112.

Câu 4. Câu thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây nói về tiết kiệm?

- A. Tích tiểu thành đại.
- B. Có công mài sắt có ngày nên kim.
- C. Đi một ngày đàng học một sàng khôn.
- D. Học, học nữa, học mãi.

Câu 5. M sinh ra trong một gia đình giàu có, M luôn nói với các bạn của mình rằng: “Sau này tớ không cần đi làm, không cần cố gắng học giỏi vì nhà tớ giàu lắm rồi”. M đua đòi, ăn chơi, thậm chí dính vào ma túy khi đang còn ở tuổi上学. Theo em, hành động và suy nghĩ của Minh thể hiện điều gì?

- A. M chi tiêu hào phô, đối xử tốt với bạn bè.
- B. M biết trân trọng thành quả lao động của bố mẹ.
- C. M không biết tiết kiệm thời gian, tiền bạc, công sức của bố mẹ.
- D. M luôn có ý thức tiết kiệm thời gian, tiền bạc của bản thân và gia đình.

Câu 6. Ý nào dưới đây là chưa đúng về cách rèn luyện lối sống tiết kiệm?

- A. Tiết kiệm của cải, thời gian, sức lực.
- B. Bảo quản, tận dụng các đồ dùng học tập, lao động.
- C. Lấy thật nhiều đồ ăn khi đi ăn tự chọn ở nhà hàng dù không ăn hết.
- D. Sắp xếp việc làm khoa học.

Câu 7. Để đảm bảo an toàn cho bản thân gấp khi mưa dông, lốc, sét chúng ta cần tránh làm gì?

- A. Tìm nơi trú ẩn an toàn.
- B. Ở nguyên trong nhà.

C. Trú dưới gốc cây to, cột điện.

D. Tắt thiết bị điện trong nhà.

Câu 8. Tiết kiệm sẽ giúp cuộc sống của chúng ta thế nào?

A. Bạn bè trách móc, cười chê.

B. Bún xỉn và bạn bè xa lánh.

C. Tiêu xài tiền bạc thoải mái

D. Ôn định, ấm no, hạnh phúc.

Câu 9. Để ứng phó với tình huống nguy hiểm bạn cần phải làm gì?

A. Hoảng loạn cầu cứu.

B. La hét, mất bình tĩnh.

C. Bình tĩnh, suy nghĩ thật kĩ.

D. Lo lắng, sợ hãi.

Câu 10. Lũ lụt không gây ra hậu quả nào dưới đây?

A. Nhiễm độc khí dẫn tới tử vong.

B. Thiệt hại về kinh tế.

C. Gây ô nhiễm nguồn nước.

D. Tổn thất về tinh thần và tính mạng

Câu 11. Đối lập với tiết kiệm là gì?

A. Xa hoa, lãng phí.

B. Cẩu thả, hời hợt.

C. Trung thực, thẳng thắn.

D. Càn cù, chăm chỉ.

Câu 12. Hành động nào sau đây thể hiện sự tiết kiệm?

A. Tận dụng thời gian để học tập và hoàn thiện bản thân.

B. Vứt rác bừa bãi tại nơi công cộng.

C. Khai thác tài nguyên khoáng sản bừa bãi.

D. Bật đèn sáng khắp nhà cho đẹp.

Câu 13. Khi phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn xảy ra, chúng ta gọi cho số điện thoại khẩn cấp nào?

A. 115.

B. 116.

C. 113.

D. 114.

Câu 14. Khi đang trên đường đi học về, hai bạn T và H gặp cơn mưa dông lớn, sấm sét àm àm. H giục T mặc áo mưa và chạy thật nhanh về nhà. Trong trường hợp này, nếu là T em sẽ làm như thế nào?

A. Không mặc áo mưa nữa để chạy cho nhanh.

B. Rủ H cùng mình tìm nơi trú ẩn an toàn.

C. Mặc áo mưa và chạy thật nhanh về nhà.

D. Tìm gốc cây to có tán rộng trú tạm đã.

Câu 15. Hiện tượng nào dưới đây được coi là tình huống nguy hiểm từ tự nhiên?

A. Cứu hộ người dân

B. Khắc phục sạt lở đất.

C. Xúc tiến du lịch.

D. Lũ ống, lũ quét.

Câu 16. Sử dụng một cách hợp lý, đúng mức của cải vật chất, thời gian sức lực của mình và của người khác gọi là gì?

A. Keo kiệt.

B. Hà tiện.

C. Bún xỉn

D. Tiết kiệm.

Câu 17. Việc làm nào sau đây thể hiện sự tiết kiệm?

A. Bật điện ngay cả khi trong phòng đã sáng rõ.

B. Xả nước uống để rửa tay.

C. Trong giờ học Ngữ văn, tranh thủ làm bài tập Toán.

D. Tắt quạt, điện khi ra khỏi lớp.

Câu 18. Câu nói nào dưới đây nói về sự keo kiệt, bùn xỉn?

- A. Kiếm củi 3 năm thiêu 1 giờ.
- B. Vắt cổ chày ra nước.
- C. Vung tay quá trớn.
- D. Nặng nhặt chặt bị.

Câu 19. Tình huống nguy hiểm nào dưới đây gây ra bởi thiên nhiên?

- A. Gây gỗ, đánh nhau.
- B. Dụ dỗ hút thuốc lá điện tử.
- C. Bắt cóc trẻ em.
- D. Mưa dông, lốc sét.

Câu 20. Tình huống nguy hiểm từ con người là những mối nguy hiểm bất ngờ, xuất phát từ những hành vi cố ý hoặc vô tình từ con người gây nên tổn thất về cái gì?

- A. Con người và xã hội.
- B. Kinh tế quốc dân.
- C. Kinh tế và xã hội.
- D. Môi trường tự nhiên.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Tình huống nguy hiểm là gì? Ngoài số điện thoại của người thân ra, chúng ta cần phải nhớ các số điện thoại khẩn cấp nào để ứng phó với các tình huống nguy hiểm?

Câu 2 (3 điểm). Cho tình huống sau:

Gia đình V sống bằng những đồng lương ít ỏi của bố. Mấy hôm nữa là đến sinh nhật V, nhóm bạn thân trong lớp gợi ý V tổ chức sinh nhật ở nhà hàng cho sang trọng.

Câu hỏi:

- a. Em có nhận xét gì về gợi ý của nhóm bạn V? Vì sao?
- b. Nếu là V em sẽ đưa ra cách giải quyết như thế nào cho hợp lý?

-----*Chúc các con thi tốt* -----

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG
Năm học 2023 - 2024**

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 6
Thời gian: 90 phút
Ngày kiểm tra: 19/3/2023

ĐỀ SỐ:4..

I. ĐỌC HIẾU (6.0 điểm): Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYÊN VỀ CHIM ÉN VÀ DÉ MÈN

Mùa xuân, đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gọi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dé Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ô hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó roi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “*Trò chuyện đầu tuần*”
của báo Hoa học trò số 1056, 21/4/2014)

Bài 1: Trắc nghiệm:

Em hãy ghi lại chữ cái đúng trước câu trả lời đúng nhất ra giấy kiểm tra:

Câu 1. “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào?

Câu 2. Câu chuyện trên được kể bằng ngôi thứ mấy?

Câu 3. Từ “Mùa xuân” trong câu “Mùa xuân, đất trời đẹp” là từ loại gì?

- A. Danh từ . B. Động từ.
C. Tính từ. D. Số từ.

Câu 4. Từ ghép “Giản dị” có nghĩa là “đơn sơ không cầu kì, kiểu cách” đúng hay sai?

- A. Đúng
B. Sai

Câu 5. Chim Én giúp Dé Mèn đi chơi bằng cách nào?

- A. Chim Én cõng Dé Mèn trên lưng cùng bay đi.
B. Dé Mèn đi một mình, còn Chim Én bay trên cao chỉ đường.
C. Hai Chim Én ngậm 2 đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa.
D. Hai Chim Én ngậm một cọng cỏ khô. Dé Mèn leo lên lưng Chim Én.

Câu 6. Hành động của hai Chim Én khi giúp Dế Mèn thể hiện phẩm chất gì?

- A. Đoàn kết.
 - B. Kiên trì
 - C. Nhân ái.
 - D. Dũng cảm.

Câu 7. Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai?

- A. Chim Én, Dế Mèn.
- B. Dế Mèn.
- C. Chim Én.
- D. Dế Choắt.

Câu 8. Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi?

- A. Vì yêu thương bạn
- B. Vì muốn chia sẻ niềm vui.
- C. Vì Dế Mèn đang buồn.
- D. Vì Dế Mèn nhờ giúp đỡ.

Bài 2. Tư luận:

Câu 1. Em có đồng ý với thái độ và cử chỉ của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao?

Câu 2. Hãy rút ra bài học mà em cảm nhận nhất sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim

Én và Dế Mèn”.(Viết đoạn văn từ 3 – 5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----Chúc các em làm bài tốt----